TÒA ÁN NHÂN DÂN **HỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 22/02/2021
V/v *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Thanh Bình.

2/ Bà Phạm Hồng Gái.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND Hện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Hện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2021 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Khánh Đức, xã Khánh Hòa, Huyện CP, tỉnh AG.

Bị đơn: Anh **Bùi Quốc L2,** sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Kinh Tư, xã BG, Huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2020 và bản tự khai ngày 25/01/2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị L1 trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L1 và anh Bùi Quốc L2 sau thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau thì anh chị được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2012. Anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Giang, Hện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 13/02/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2020 thì giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nhiều lần cự cãi, có khi xô xát với nhau. Hiện tại chị L1 và anh L2 đã ly thân hơn 01 năm nay, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không hạnh phúc nên chị L1 yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Quốc L2.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị L1 xác định chị và anh L2 có hai người con chung tên Bùi Quốc H, sinh ngày 02/3/2013 và Bùi Nguyễn Trúc Đằm, sinh ngày 05/02/2020. Hiện cháu Đằm đang sống cùng chị L1, còn cháu H đang sống cùng anh L2. Ly hôn chị L1 yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đằm đến tuổi trưởng thành, chị L1 không yêu cầu anh L2 cấp dưỡng nuôi con chung và đồng ý giao cháu H cho anh L2 tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị L1 xác nhận quá trình chung sống chị và anh L2 không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Bùi Quốc L2 trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Anh L2 và chị L1 kết hôn với nhau vào năm 2012 và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Giang, Hện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 13/02/2012. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên từ năm 2020 cho đến nay anh chị đã ly thân với nhau. Nhận thấy hôn nhân giữa anh và chị L1 không thể hàn gắn được nữa nên anh L2 cũng đồng ý ly hôn với chị L1.

- Về con chung: Anh L2 xác định anh và chị L1 có hai người con chung như chị L1 trình bày là đúng. Hiện nay cháu H đang sống cùng anh, còn cháu Đằm đang sống cùng chị L1. Ly hôn chị L1 đồng ý giao cháu H cho anh tiếp tục nuôi dưỡng thì anh đồng ý, anh L2 không yêu cầu cấp dưỡng, còn cháu Đằm do còn nhỏ nên anh đồng ý giao cho chị L1 tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Anh L2 xác nhận anh và chị L1 không có tài sản chung, không có nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữ chị L1 và anh L2; Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị L1 và anh L2, giao cháu Bùi Quốc H, sinh ngày 02/3/2013 cho anh L2 tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, giao cháu Đằm cho chị L1 nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con do chị L1 và anh L2 không yêu cầu nên đề nghị HĐXX miễn xét; Về tài sản và nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX miễn xét ; Chị L1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L1 yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Quốc L2. Anh L2 cư trú tại ấp Kinh Tư, xã Bình Giang, Hện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L1 tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L1 và anh Bùi Quốc L2 đều trình bày quan hệ hôn nhân giữa anh chị được xác lập vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Giang, Hện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/02/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị L1 và anh L2; Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến việc thường xuyên cự cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng từ khi hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân với nhau. Sau khi sống ly thân, chị L1 và anh L2 không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Bên cạnh đó, tại các bản khai anh L2 cùng trình bày hôn nhân giữa anh và chị L1 không thể hàn gắn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị L1.

Từ những viện dẫn nêu trên HĐXX có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L1 và anh L2 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L1 và anh Bùi Quốc L2.

- *Về con chung:* Chị L1 và anh L2 đều xác nhận quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung tên Bùi Quốc H, sinh ngày 02/3/2013 và Bùi Nguyễn Trúc Đằm, sinh ngày 05/02/2020. Hiện nay cháu H đang sống cùng anh L2 và cháu Đằm đang sống cùng chị L1. Ly hôn anh L2 đồng ý giao cháu Đằm cho chị L1 nuôi dưỡng và đồng ý giao cháu H cho anh L2 nuôi dưỡng. Xét thấy việc thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyên vọng của con chung. Do đó HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L1 và anh L2 không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

- *Về tài sản chung và nợ chun*g: Chị L1 và anh L2 đều xác nhận là không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân Hện Hòn Đất là có cơ sở được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[5] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, 228, 232, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L1 và anh Bùi Quốc L2.

2/ Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị L1 và anh L2. Giao cháu Bùi Quốc H, sinh ngày 02/3/2013 cho anh Bùi Quốc L2 nuôi dưỡng và giao Bùi Nguyễn Trúc Đằm, sinh ngày 05/02/2020 cho chị Nguyễn Thị L1 nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Chị L1 và anh L2 được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001446 ngày 30/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Hện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị L1 không phải nộp thêm, anh Bùi Quốc L2 không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị L1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân Hện Hòn Đất;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Hồng Điệp